

Bản án số: 07/2018/KDTM-ST
Ngày 02 - 3 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Bảo;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2017/TLST-KDTM ngày 14 tháng 6 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần L; địa chỉ: Số A, đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông V Duy P, sinh năm 1984 – Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh G. Vắng mặt.

2. Bà Phan Thị Quỳnh T, sinh năm 1987- Giám đốc Trung tâm hỗ trợ kinh doanh thuộc Hội sở đặt tại Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh tỉnh G. Có mặt.

Địa chỉ: Số B, đường H, phường H; thành phố P, tỉnh Gia Lai.

(Theo Giấy ủy quyền số 40A ngày 27/4/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần L – Chi nhánh G).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Y V và bà Trần Thị Kim C; địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2017 của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần L; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông V Duy P và bà Phan Thị Quỳnh T trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần L - Chi nhánh Gia Lai (gọi tắt là Ngân hàng L) có cho ông Nguyễn Y V và bà Trần Thị Kim C vay tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1341/15/CT/LPB.GL ngày 16/11/2015. Ngày 18/11/2015 ông V và bà C đã nhận số tiền này theo giấy Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 01/1341/15/CT/LPB.GL; mục đích vay là chăm sóc cà phê; thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay, phương thức trả nợ là lãi hàng tháng, gốc trả cuối kỳ.

Mức lãi cho vay là 10%/năm, tương ứng với 0,83%/tháng. Thời gian tính lãi được tính trên cơ sở một năm có 360 ngày.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Y V và bà Trần Thị Kim C trả cho Ngân hàng được khoản tiền lãi từ ngày 18/11/2015 đến ngày 25/4/2016 với số tiền là 6.620.000 đồng. Hiện nay ông Nguyễn Y V và bà Trần Thị Kim C đang còn nợ 150.000.000đ nợ gốc đã được chuyển sang nợ quá hạn và lãi suất của số tiền trên từ ngày 25/4/2016, bao gồm lãi suất trong hạn đến ngày 18/10/2016 là 7.329.769đ và lãi suất quá hạn tính đến ngày 02 tháng 3 năm 2018 là 32.547.593 đồng. Tổng số tiền phải trả là 189.877.362 đồng. Cách tính lãi của Ngân hàng đối với số tiền lãi như sau:

Nợ gốc: 150.000.000đ

Lãi trong hạn: 7.329.769 đồng;

Lãi quá hạn: 32.547.593 đồng;

Tổng cộng: 189.877.362 đồng.

Tài sản để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng là quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận số W 812237 ngày 27 tháng 11 năm 2002; thửa đất số 70; tờ bản đồ số 130; có tổng diện tích 4.617m²; tại xã Ia Sao, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/11/LPB.GL ngày 16/11/2015.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Y V và bà Trần Thị Kim C phải thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày 02 tháng 3 năm 2018 nói trên và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ và rút yêu cầu buộc trả lãi phạt lãi và lãi phạt gốc như trong đơn khởi kiện.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông Nguyễn Y V và bà Trần Thị Kim C, nhưng ông V và bà C không đến Tòa án làm việc, vì vậy Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông V và bà C theo qui định.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử 5 tháng;

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn thực hiện không đúng quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Có quá thời hạn giải quyết vụ án nhưng do nguyên nhân khách quan.

- Về nội dung: Chấp nhận các yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần L.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có:

- Giấy ủy quyền số 40A ngày 27/4/2017;

- Qui chế cho vay đối với khách hàng ngày 03/11/2015;

- Quyết định ủy quyền số 679 ngày 10/8/2015;

- Quyết định ủy quyền số 6650 ngày 20/6/2017;

- Quyết định bổ nhiệm đối với ông Nguyễn Tấn Nghĩa số 216 ngày 15/4/2016;

- Hợp đồng tín dụng số 1341 ngày 16/11/2015;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16 ngày 16/11/2015;

- Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 01 ngày 18/11/2015;

- Biên bản xác minh ngày 07/8/2017;

- Đơn yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

- Hợp đồng thông báo – đăng tin ngày 18/8/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo sổ hộ khẩu gia đình và qua xác minh tại địa phương, thì anh Nguyễn Y V và chị Trần Thị Kim C đăng ký hộ khẩu và cư trú tại thôn T, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai, đúng như địa chỉ ghi trong hợp đồng vay tiền và trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã cung cấp. Hiện nay anh V và chị C đã đi khỏi địa phương, nhưng không thông báo cho chính quyền và Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Ia Grai đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn để giải quyết vụ án là đúng qui định của pháp luật về tố tụng tại 35, Điều 39, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại các điều 5, 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Điều 56 của Điều lệ và Điều 2 của các Quyết định số: 679/2015/QĐ-HĐQT ngày 10 tháng 8 năm 2015, 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ngân hàng Bưu điện, Điều 85 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 13, Điều 14 của Luật Doanh nghiệp; Điều 186, thì Giám đốc Ngân hàng CPTM L - Chi nhánh G là người có quyền ký đơn khởi kiện và được ủy quyền lại cho cán bộ thuộc Chi nhánh tham gia tố tụng, nên Tòa án thụ lý đơn khởi kiện và ông V Duy P và bà Phan Thị Quỳnh T đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là đúng qui định.

[3]. Hợp đồng tín dụng số 1341/15/CT/LPB.GL ký ngày 16/11/2015 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Y V và bà Trần Thị Kim C thể hiện số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng, trả lãi vào ngày 25 đến ngày cuối hàng tháng. Ngoài ra các bên tham gia hợp đồng còn thỏa thuận về chuyển nợ quá hạn và phạt chậm trả khi đến hạn bên vay không trả được nợ. Mức lãi cho vay được ghi trong Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận tiền ngày 18 tháng 11 năm 2015 là 10%/năm cộng với biên độ dao động. Biên độ dao động phụ thuộc vào mức lãi huy động tiền gửi tiết kiệm tại từng thời điểm, Ngân hàng sẽ thông báo cho khách hàng.

Do anh V và chị C không trả lãi và thanh toán nợ gốc khi đến hạn theo thỏa thuận, nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, qui định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 37 của Quy chế cho vay đối với khách hàng số: 943/2015/QC-HĐQT ngày 03/11/2015 của Ngân hàng L và Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 1341/15/CT/LPB.GL ngày 16/11/2015 (Hợp đồng).

[4] Đối với số tiền nợ lãi nguyên đơn yêu cầu anh V và chị C phải trả gồm lãi trong hạn từ ngày 25/4/2016 đến ngày 18/10/2016 và lãi quá hạn kể từ ngày đến hạn mà bên vay chưa trả là ngày 18 tháng 10 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/3/2018; số tiền lãi phải trả như cách tính của Ngân hàng là không có căn cứ. Vì hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với anh V và chị C lập năm 2015, nhưng thỏa thuận: “Phạt lãi chậm = số tiền lãi chậm trả x lãi suất phạt quá hạn x số ngày chậm trả; trong đó lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm bắt đầu chậm trả lãi” là trái với qui định tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005: “Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”. Và khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng qui định: “ Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo qui định của pháp luật; điểm c khoản 1 Điều 13 của Quyết định số 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 ban hành Quy chế cho vay quy định: “ Việc phạt chậm trả đối với nợ quá hạn và nợ lãi vốn vay do hai bên thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật”. Như vậy, tại thời điểm xác lập hợp đồng tín dụng giữa anh V và chị C, không có qui định nào của pháp luật cho phép tính lãi quá hạn của nợ lãi (Lãi chồng lãi). Tại Án lệ số 11/2017/AL, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

nhận định: “ Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo thỏa thuận của các bên tại khoản 5.4 Điều 5 Hợp đồng tín dụng về lãi phạt chậm trả trên số lãi chưa thanh toán ...là không đúng pháp luật, không được chấp nhận vì đây là lãi chồng lãi.”. Do đó yêu cầu của Ngân hàng buộc anh V và chị C phải trả lãi của số tiền lãi chậm trả 32.547.593đ(Phạt lãi chậm trả) theo thỏa thuận tại khoản 4 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng là không đúng pháp luật, nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn đã rút yêu cầu này nên không xem xét.

Theo tinh thần hướng dẫn tại Thông tư liên số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, bộ Tư pháp và Bộ tài chính, thì lãi suất quá hạn anh V và chị C phải trả cho Ngân hàng được tính như sau:

Thời hạn cho vay là từ ngày 18/11/2015 (Ngày ký văn bản giải ngân và khế ước nhận nợ) đến ngày 18/10/2016; ngày quá hạn 19/10/2016 (Ngày tiếp theo ngày đến hạn) đến ngày xét xử 02/3/2018 là 01 năm 04 tháng 14 ngày; số tiền lãi phải trả là:

$150.000.000đ \times (10\%/năm \times 150\%) \times 1 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} : 360 \text{ ngày} = 31.118.750đ$. Đã trả được 656đ còn nợ 31.118.094đ (Ba mươi một triệu, một trăm mười tám nghìn, không trăm chín mươi bốn).

Đối với số tiền lãi trong hạn mà Ngân hàng yêu cầu là có căn cứ, nhưng cách thể hiện của Ngân hàng về tính số ngày trả lãi từ 25/8/2016 đến ngày 26/9/2016 là 32 ngày, tức tính cả ngày 25 của tháng trước và ngày 25 của tháng sau (Tháng 9) cho kỳ trả lãi một tháng là không phù qui định tại khoản 2 Điều 147, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với khoản 2 Điều 152, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật dân sự năm 1995, sửa đổi bổ sung năm 2005. Do đó số ngày tính lãi phải thể hiện từ ngày 25/8/2016 đến ngày 25/9/2016 mới phù hợp.

Số tiền lãi V và chị C phải trả cho Ngân hàng là: 38.406.197đ, trong đó có 7.291.668đ lãi trong hạn.

Tổng cộng số tiền anh V và chị C phải thanh toán cho Ngân hàng là:

$150.000.000đ + 38.406.197đ = 188.406.197đ$. (Một trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm lẻ sáu nghìn, một trăm chín mươi bảy đồng).

Anh V và chị C còn phải chịu khoản lãi quá hạn theo án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

[5] Đối với tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 16/11/LPB.GL ngày 16/11/2015. Hợp đồng này đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo đúng qui định tại các điều: 325, 342, 343, 355 của Bộ luật dân sự năm 1995, sửa đổi năm 2005 và theo qui định tại Điều 3 Nghị định 83/NĐ-CP ngày 23/7/2010 nên phát sinh hiệu lực. Do đó quá trình thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp, ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng theo qui định.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH14, buộc anh Nguyễn Y V và bà Trần Thị Kim C phải chịu toàn bộ án phí trong vụ án này như sau:

$188.406.197đ \times 5\% = 9.420.310đ$ (làm tròn số).

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 4.251.846đ đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số: 0000343 ngày 13/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

[7] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.044.000 đồng (sáu triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn), Ngân hàng tự nguyện chịu nên không đề cập trong phần quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều: 26, 35, 39, 179, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 355, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 1995, sửa đổi năm 2005; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010,

Buộc anh Nguyễn Y V và chị Trần Thị Kim C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L số tiền: 188.406.197đ. (Một trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm lẻ sáu nghìn, một trăm chín mươi bảy đồng). Trong đó có 150.000.000đ nợ gốc và 38.406.197đ nợ lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh V và chị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà anh V và chị C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trong trường hợp anh Nguyễn Y V và chị Trần Thị Kim C không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L thì tài sản thế chấp theo Hợp đồng số 16/11/LPB.GL ngày 16/11/2015 được xử lý theo qui định pháp luật để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Buộc anh V và chị C liên đới phải nộp 9.420.310đ (Chín triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, ba trăm mười đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L số tiền 4.251.846đ đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số: 0000343 ngày 13/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm; người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nhơn